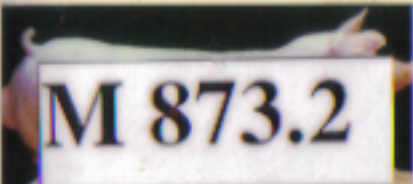


TS. PHẠM HỒNG SƠN



M 873.2

PS323b

BỆNH DỊCH TẢ LỢN



Vb 39/2006

Vb 39



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

TS. PHẠM HỒNG SƠN

BỆNH DỊCH TẢ LỚN

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI

30
2006

M 873.2 - 925

PS3236

LỜI MỞ ĐẦU

Nhiều năm người chăn nuôi và các chuyên gia thú y đã quá quen với bệnh dịch tả lợn. Đây là bệnh dịch quan trọng được Văn phòng Dịch tễ động vật thế giới (OIE) xếp vào nhóm A và là đối tượng kiểm dịch của Nhà nước ta. Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực trong công tác phòng chống, chúng ta dường như khó trông đợi một kết quả như đối với việc thanh toán bệnh dịch tả trâu bò vốn cũng hoành hành khốc liệt trên khắp thế giới. Thiệt hại do bệnh dịch tả lợn gây ra là rất lớn, từ gây phát bệnh và gây chết lợn bệnh, đến gây yếu, chậm lớn, suy giảm miễn dịch và các chứng trở ngại sinh sản...

Để giúp người đọc và các đồng nghiệp có cơ sở lý luận công tác phòng chống bệnh này, chúng tôi cố gắng tổng hợp một số nghiên cứu liên quan trong cuốn sách nhỏ này, hy vọng đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về bệnh dịch tả lợn cũng như con đường nhận thức về bệnh dịch này của nhân loại, con đường biện chứng của chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối, chứ không phải những suy đoán vô căn cứ của riêng ai về một lực lượng không thể nhìn thấy. Cần lưu ý rằng những điều hôm nay được cho là đúng nhưng có thể được chỉnh lý sửa đổi vào ngày mai

khi nhân loại có thêm căn cứ mới, bằng chứng mới. Sách này được trình bày dưới dạng tổng hợp tư liệu đang là cơ sở cho những kiến thức hiện nay về vấn đề liên quan và thiết thực cho công tác chẩn đoán, phòng chống bệnh. Tuy vậy, do thời gian có hạn, sách chỉ sử dụng những tư liệu chọn lọc nhất và đặc biệt là những nguồn tư liệu hạn chế mà tác giả có được. Rất mong các đồng nghiệp góp ý phê bình.

TÁC GIẢ

I. MỘT BỆNH DỊCH ĐA DẠNG Ở LỢN

Bệnh dịch tả lợn (DTL), hay Hog cholera (tiếng Anh, bắc Mỹ), Classical swine fever (tiếng Anh, châu Âu), Peste du porc (tiếng Pháp), Schweinepest (tiếng Đức), Tru ôn (tiếng Trung Quốc, âm Hán - Việt) (Nguyễn Vĩnh Phước & CS, 1978), Pesti suiana (tiếng Italia) (Stewart, 1981), чума свиней (tiếng Nga), Pestis suum (tiếng Latin) (Konopatkin & CS, 1984),... là một bệnh truyền nhiễm của loài lợn lây lan rất mạnh, tiến triển dưới nhiều thể khác nhau: quá cấp, cấp tính, mãn tính và thể tiềm ẩn không điển hình, giết hại rất nhiều lợn (60 - 90%), thường ghép với bệnh phó thương hàn lợn, ở thể cấp tính thường có triệu chứng bại huyết, xuất huyết, hoại tử, loét ở nhiều bộ phận. Nhiễm máu ở nhiều cơ quan với tỷ lệ chết đạt đến 90 - 100% (Dunne, 1970). Đây là một loại dịch bệnh nguy hiểm có tính chất lây lan mạnh, gây bệnh với tỷ lệ cao với các thể bệnh khác nhau như quá cấp tính, cấp tính, cận cấp tính, mạn tính, không điển hình và ẩn tính không biểu hiện lâm sàng (Trautwein, 1988; Van Oirschot, 1988; Van Oirschot, 1999, Mesplede & CS, 1999). Thể bệnh cấp tính làm chết nhiều lợn, mang lại thiệt hại kinh tế rất lớn cho người chăn nuôi. Bên cạnh đó, lợn nái nhiễm mầm bệnh với các chủng virus có độc lực trung bình hoặc thấp có thể phát triển hội chứng mang trùng (carrier sows syndrome), tùy thuộc vào giai đoạn có chứa và độc lực của virus mà có thể dẫn đến sẩy thai, thai lưu, đẻ non, yếu ớt, còi cọc hoặc

những lợn con có bề ngoài khỏe mạnh nhưng nhiễm bệnh kéo dài (Nguyễn Vĩnh Phước & CS, 1978). Thể mạn tính dấu hiệu lâm sàng chủ yếu là trầm uất, chán ăn, sốt và táo bón kéo theo ỉa chảy ít trầm trọng hơn và đôi khi khỏi bệnh, đặc biệt ở những lợn cao tuổi. Ở những đàn lợn bị cảm nhiễm các chủng virus độc lực thấp, chết do bệnh chỉ thấy ở lợn con sơ sinh cùng với hiện tượng sẩy thai và đẻ thai gồ (Carbrey & CS, 1969). Lợn mắc bệnh thường bị tác động nặng nề bởi các yếu tố cảm nhiễm kế phát (Cottral, 1978). Bệnh DTL mạn tính là bệnh chí tử kéo dài ít nhất 30 ngày (Mengeling & Cheville, 1968), triệu chứng lâm sàng thường không đặc trưng và gây nhầm lẫn nên thường được gọi một cách sai lầm là bệnh DTL không điển hình (Dahle & Liess, 1992; Trautwein, 1988). Thể bệnh này thường được quan sát thấy trong điều kiện tự nhiên cũng như thực nghiệm (Cripps, 1954; Mengeling & Packer, 1969). Mặc dù cơ chế gây bệnh vẫn còn chưa rõ nhưng nó luôn gắn liền với các chủng virus có độc lực thấp hoặc các yếu tố ký chủ (Mengeling & Packer, 1969; Van Oirschot, 1988). Các chủng độc lực thấp thường gây bệnh DTL mạn tính, dần dần dẫn đến chết hoặc khỏi bệnh (Cheville & Mengeling, 1969; Mengeling & Packer, 1969; Meyling & Schjerning-Thiesen, 1968; Plateau, Vannier & Tillon, 1980) và thường có thể gây lan truyền mầm bệnh một thời gian dài hơn nhiều so với bệnh dịch tả lợn cấp tính (Van Oirschot, 1988). Các ca bệnh mạn tính do các chủng độc lực yếu thường khó nhận biết và đây là nguyên nhân vì sao các chủng này thường phát tán rộng rãi. Lợn mắc bệnh DTL mạn tính là yếu tố quan trọng trong dịch tễ học DTL.

vì chúng là nguồn tồn trữ lâu dài và phát tán mầm bệnh cho các tập đoàn lợn thụ cảm (Choi & Chae, 2003), ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng miễn dịch của lợn, bên cạnh đó DTL còn nhiễm ghép với bệnh tụ huyết trùng lợn, phó thương hàn lợn... làm cho bệnh trạng lâm sàng trở nên phức tạp hơn. Do đó, ngoài các phương pháp chẩn đoán lâm sàng, cần áp dụng các phương pháp chẩn đoán xét nghiệm để phát hiện và tiến đến loại thải những lợn mang trùng góp phần nâng cao hiệu quả của công tác phòng chống bệnh DTL.

Về mặt lịch sử, bệnh DTL được coi là bắt nguồn từ Mỹ. Theo Hanson (1957) thông báo sớm nhất về bệnh có vẻ như là DTL được phát ra từ Franklin, bang Tennessee vào khoảng năm 1810. Các vụ dịch muộn hơn được thông báo từ nam Ohio và dọc theo sông Wabash ở bang Indiana vào đầu thập niên 1830. Tuy nhiên các nhà chức trách (Mỹ) cho rằng nguồn gốc có tính pháp lý nhất từ Nam Ohio. Cho đến năm 1887 DTL đã được thông báo có từ 35 bang nước Mỹ (USDA, 1962). Việc xây dựng và sử dụng các tuyến đường sắt đã góp phần làm lây lan nhanh hơn. Tuy vậy, về sau nhiều nhà nghiên cứu Mỹ cho rằng DTL lan đến Mỹ từ châu Âu trong đàn gia súc nhập làm giống nhưng các nhà đương cục châu Âu cự lại sự cáo buộc đó. (Dunne 1958).

Bệnh DTL có khắp nơi trên thế giới. Ở châu Âu bệnh có ở nhiều nước. Bệnh còn tồn tại ở châu Phi, nhất là Bắc Phi và Nam Phi. Còn ở châu Mỹ, bệnh cũng phát triển mạnh, trừ một số nước đã an toàn về bệnh, những nước mà

bệnh DTL vẫn còn tồn tại thì nó gây nhiều thiệt hại nhất là về kinh tế, dù đã có quá trình tạo miễn dịch cho đàn lợn (Mesplede & CS, 1999).

Năm 1914 dịch phát sinh ở Mỹ gây thiệt hại đến 1 tỷ USD (Shimizu & CS, 1999). Do đặc điểm của bệnh nên nhiều nước đã xây dựng chương trình phòng chống và tiến tới thanh toán bệnh. Ở Mỹ chương trình thanh toán bệnh DTL bắt đầu từ năm 1962 và kết thúc vào năm 1976 tiêu phí hết 140 triệu USD (USDA, 1978). EC cũng tài trợ cho các nước thành viên một chương trình thanh toán bệnh DTL dựa trên giết hủy gia súc ốm (stamping out) cùng với các biện pháp vệ sinh và pháp chế thú y khác (Stewart, 1981). Từ lâu, bệnh DTL được coi là bệnh đáng sợ nhất nên Nhật Bản đã thực hiện chương trình thanh toán và đã thành công (Shimizu & CS, 1999).

Trước đây người ta đã từng cho rằng một số nước trên thế giới đã thanh toán được bệnh như Australia, Canada, Anh, Ireland, Newzealand, Thụy Sĩ, các nước thuộc bán đảo Scandinave (Thụy Điển năm 1944, Phần Lan năm 1917,...) và Nhật Bản (Braund, 1986). Tuy vậy, gần đây DTL vẫn còn xảy ra ở nhiều nước EC gây thiệt hại kinh tế lớn, như DTL ở Hà Lan 1997 - 1998 kéo dài 14 tháng, trong quá trình đó 429 đàn bị nhiễm và 13 trại lợn bị giết hủy, thiệt hại đến 2 tỷ USD mặc dù vụ dịch lan rộng, chủng virut gây nên vụ dịch vẫn chưa được xác định. Vụ dịch Hà Lan có mối liên hệ với một vụ dịch nhỏ năm 1997 ở Paderborn nước Đức (Oleksiewicz & CS, 2003). Còn ở Đức có đến 424 vụ dịch DTL xảy ra từ năm 1990 đến

1998 ở lợn nuôi và số lợn trường hợp xảy ra cũng được ghi nhận ở lợn rừng trong thời gian đó. Hầu hết tất cả các bang (Bundeslander) đều bị nhiễm. Nghiên cứu dịch tễ học và sinh học phân tử cho thấy 28% số vụ dịch tả lợn là bùng nổ nguyên phát. Đa đa số là do trực tiếp hoặc gián tiếp tiếp xúc với lợn rừng mắc bệnh hoặc do cho ăn thực phẩm thừa từ các nhà hàng. Lợn rừng bị cảm nhiễm vẫn còn là mối nguy cơ chính đối với lợn nuôi (Fritzemeier & CS, 2000).

Ở Việt Nam bệnh DTL đã có từ lâu, bệnh có ở khắp vùng gây nhiều thiệt hại cho chăn nuôi. Theo Nguyễn Vĩnh Phước & CS (1978), Houdermier phát hiện bệnh DTL ở Việt Nam vào năm 1923 - 1924, đến nay nó vẫn tồn tại phổ biến và luôn là mối uy hiếp nghiêm trọng đối với nghề nuôi lợn của đất nước và gây tổn thất kinh tế đáng kể. Cũng theo tài liệu đó (Nguyễn Vĩnh Phước & CS, 1978), năm 1949 - 1950 một vụ dịch lớn xảy ra ở Việt Bắc rồi lan sang các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng; năm 1960 - 1961 dịch lan từ Hòa Bình sang Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai; năm 1961 dịch xảy ra ở Nghệ An lan sang Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nội; năm 1968 dịch phát ra ở hơn 20 tỉnh miền Bắc. Theo thống kê của Đào Trọng Đạt & CS (1985) về tình hình dịch tễ của bệnh DTL ở Việt Nam: số lợn chết do dịch bệnh hàng năm hiện nay bình quân bằng 10 - 12% tổng số đàn lợn nuôi, thì 60% số đó do bệnh DTL, nghĩa là mỗi năm bệnh DTL đã giết đi của chúng ta trên 65 - 75 vạn con lợn. Năm 1973, bệnh đã nổ ra ở tất cả 11 trại quanh Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1974 DTL đã có ở 17 tỉnh phía Bắc gây

thiệt hại tới 4 vạn lợn, năm 1978 có nhiều ổ DTL ở vùng Tây Nam Bộ, năm 1981, 15 tỉnh thuộc Nam Bộ cũ đã bị thiệt hại mất 115.087 con lợn về bệnh này. Bên cạnh những ổ dịch lớn đó những ổ dịch lẻ tẻ nhỏ vẫn còn xảy ra ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước và gây thiệt hại đáng kể.

Ở khu vực miền Trung khoảng hơn 10 năm 1984 - 1994 bệnh DTL chỉ phát thành dịch ở Bắc miền Trung, khu vực Trung và Nam miền Trung bệnh chỉ phát ra lẻ tẻ ở các khu vực chăn nuôi tập trung và chăn nuôi hộ gia đình (theo Báo cáo của Trung tâm kiểm dịch miền Trung, 1994). Từ năm 1995 - 1997, tại các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam đều có dịch ổ khắp trong tỉnh. Bệnh lẻ tẻ nhưng thường xuyên, số lợn bệnh không nhiều nhưng đều có ổ khắp trong vùng (Nguyễn Thị Phương Duyên & CS, 2000).

Gần đây với biện pháp chủ động phòng dịch bằng tiêm vaccin để khống chế các ổ dịch và áp dụng các biện pháp vệ sinh thú y khác trên cơ bản đã tạo ra cho đàn lợn có khả năng chống lại bệnh DTL. Tuy vậy, virus DTL vẫn khu trú tiềm ẩn trong đàn lợn và diễn biến ngày càng phức tạp, bệnh có nhiều thay đổi về biểu hiện lâm sàng, bệnh tích cũng như độ tuổi lợn mắc cảm. Các nghiên cứu của nhiều tác giả đều cho rằng bệnh chủ yếu diễn ra ở thể mãn tính, những triệu chứng không điển hình bệnh gây chết nhiều lợn con (Đào Trọng Đạt, 1985; Nguyễn Tiến Dũng & CS, 2003).